TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 487/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025; giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ C, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ B, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn C1, sinh năm 1975; địa chỉ: Số B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ C trình bày:

Bà Phạm Thị Mỹ C và ông Đinh Văn C1 tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 215; Quyển số 02/04 ngày 11/11/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân khoảng 4 tháng nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống hay cãi vã, không có tiếng nói chung.

Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đinh Tú N, sinh ngày 11/7/2005 và cháu Đinh Tú A, sinh ngày 01/10/2013. Khi ly hôn bà Phạm Thị Mỹ C yêu cầu giao con chung tên Đinh Tú A cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Đinh Tú N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Mỹ C không yêu cầu ông Đinh Văn C1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Công việc của bà là làm công việc tự do như làm dịch vụ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, kê khai thuế, giấy tờ nhà đất… thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con. Từ khi vợ chồng sống ly thân bà C là người trực tiếp nuôi con và con phát triển bình thường.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình tố tụng bị đơn ông Đinh Văn C1 trình bày: Ông Đinh Văn C1 thống nhất toàn bộ trình bày của bà C về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đinh Tú N, sinh ngày 11/7/2005 và cháu Đinh Tú A, sinh ngày 01/10/2013. Khi ly hôn bà Phạm Thị Mỹ C yêu cầu giao con chung tên Đinh Tú A cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Đinh Tú N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết thì ông đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà C khởi kiện ông C1 yêu cầu ly hôn, ông C1 hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ C; bị đơn ông Đinh Văn C1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ C và ông Đinh Văn C1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 215; Quyển số 02/04 ngày 11/11/2004 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông C1 và được ông C1 đồng ý.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông C1 không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án đã triệu tập ông C1 tham gia hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng ông C1 vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, vợ chồng đã sống ly thân, bà C cương quyết yêu cầu ly hôn và không đồng ý đoàn tụ với ông C1 và được ông C1 đồng ý. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C về việc ly hôn với ông C1.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Đinh Tú N, sinh ngày 11/7/2005 và cháu Đinh Tú A, sinh ngày 01/10/2013. Khi ly hôn bà Phạm Thị Mỹ C yêu cầu giao con chung tên Đinh Tú A cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Đinh Tú N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, bà C có nghề nghiệp tự do nên có thời gian chăm sóc con; nguyện vọng của cháu Đinh Tú A muốn sống với mẹ và được ông C1 đồng ý. Do đó, bà C yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông C1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39;

Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ C với bị đơn ông Đinh Văn C1 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ C được ly hôn ông Đinh Văn C1.

- Về con chung: Ông Đinh Văn C1 đồng ý giao cháu Đinh Tú A, sinh ngày 01/10/2013 cho bà Phạm Thị Mỹ C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đinh Văn C1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0025949 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết